

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 171/2025/KDTM-ST.

Ngày : 20/3/2025.

V/v “tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Mai Thị Thu Dung
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Ông Nguyễn Ngọc Hai

- **Thư ký phiên tòa** : Bà Bùi Thị Thức - là thư ký

Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận** tham gia phiên tòa:

Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 1217/2024/TLST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Trụ sở: A T, phường C, quận H, TP Hà Nội.

ĐCLL: 92 N, Phường H, quận P, TP HCM.

Đại diện: Ông Nguyễn Hoàng M, Văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024.

Bị đơn: Công ty TNHH X.

Trụ sở: thửa đất số 443, tờ bản đồ số 2, Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Đại diện: Bà Nguyễn Thị D - Giấy ủy quyền ngày 20/11/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Nghiệp L sinh năm: 1982

HKTT: Số 32 Nguyễn Huệ, Khóm 1, Phường 12, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

ĐCLL: Số 13 Đường số 10, KDC Dương Hồng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP HCM.

Đại diện: Bà Nguyễn Thị D, Giấy ủy quyền ngày 14/11/2024.

(các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2024, nguyên đơn Ngân hàng TMCP C trình bày:

Ngân hàng TMCP C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH X (sau đây gọi tắt là Công ty) có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 185/2023-HĐCVHM/NHCT930-CTY LOAN PHUNG LONG AN ngày 18/9/2023 với một số nội dung chính:

- + Hạn mức cho vay: 55.000.000.000 (năm mươi lăm tỷ) đồng.
- + Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2023-2024.
- + Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/9/2024.
- + Thời hạn cho vay: tối đa 09 tháng/Giấy nhận nợ; Lãi suất: điều chỉnh, tại thời điểm giải ngân là 6%/năm.

Căn cứ vào hợp đồng hạn mức nói trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty theo 02 bộ chứng từ chiết khấu, cụ thể:

Chiết khấu bộ chứng từ		Ngày đến hạn	Dư nợ đến ngày 15/01/2025
Số	Ngày		
190/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHUNG LONG AN	20/9/2023	15/02/2024	53.681,80 USD
191.1/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHUNG LONG AN	22/9/2023	15/02/2024	16.419,22 USD
TỔNG			70.101,02 USD

Biện pháp bảo đảm: khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức và hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ thì được bảo đảm toàn bộ theo:

+ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 191.1/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHUNG LONG AN ngày 19/09/2023. Bên bảo đảm/CSH: Công ty TNHH X. Tài sản thế chấp là Q hưởng lợi từ Bộ chứng từ DA (bao gồm: Hợp đồng số LP23-0725, Invoice số: LPLA23-0825, Chứng từ vận tải số: SGNTUNI270823); người nhập khẩu: FOREVER BRIDE INTERNATIONAL CO.,LTD, Ngân hàng nhận chứng từ: T CO/.LTD.

+ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 190/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHUNG LONG AN ngày 19/09/2023. Bên bảo đảm/CSH: Công ty TNHH X. Tài sản thế chấp là Q hưởng lợi từ Bộ chứng từ DA (bao gồm: Hợp đồng số JM23-0723SC, Invoice số: LPLA23-0830, Chứng từ vận tải số: SGNTUNI030623); người nhập khẩu: THE JASMINE LIFE CO.,LTD, Ngân hàng nhận chứng từ: S, TAIPEI, TAIWAN.

+ Cam kết bảo lãnh của bà Trần Nghiệp L theo Văn bản bảo lãnh ngày 22/4/2024. Nghĩa vụ được bảo lãnh là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH X, phát sinh theo các hợp đồng cấp tín dụng ký trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng bảo

lãnh.

Ngân hàng đã phát hành Văn bản đòi tiền ngày 03/7/2024 nhưng bà Trần Nghiệp L không thực hiện nghĩa vụ cam kết bảo lãnh.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 13/9/2024 là 78.968,43 USD (*bảy mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi tám phẩy bốn mươi ba đô la Mỹ*). Trong đó:

+ Nợ gốc quá hạn: 70.746,02 USD;

+ Nợ lãi phát sinh trên nợ gốc (lãi trong hạn và lãi quá hạn): 6.917,05 USD;

+ Nợ lãi chậm trả: 1.305,36 USD;

Và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/9/2024 trở đi cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức ngày 18/9/2023 và Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ ngày 18/9/2023.

Trong trường hợp Công ty không trả được nợ thì yêu cầu cá nhân bên bảo lãnh là bà Trần Nghiệp L phải có nghĩa vụ liên đới trong việc thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty cho Ngân hàng theo văn bản bảo lãnh ngày 22/4/2024.

- Bị đơn Công ty TNHH X có bà Nguyễn Thị D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty xác nhận không có yêu cầu phản tố.

Công ty xác nhận nội dung mà nguyên đơn trình bày ở trên về quá trình ký kết hợp đồng, số tiền vay và số tiền còn nợ là hoàn toàn đúng sự thật.

Do hiện nay Công ty đang rất khó khăn về tài chính nên đề nghị nguyên đơn xem xét giải quyết, hỗ trợ cho Công ty được trả tiền nợ gốc trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày 15/01/2025. Đồng thời, xin miễn toàn bộ tiền lãi.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Trần Nghiệp L có bà Nguyễn Thị D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà L (do bà D đại diện ủy quyền) xác nhận không có yêu cầu độc lập.

Bà L (do bà D đại diện ủy quyền) xác nhận và đồng ý với toàn bộ nội dung mà nguyên đơn và bị đơn đã trình bày ở trên.

Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì bà L đồng ý trả nợ thay theo cam kết bảo lãnh mà bà L đã ký với Ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có ông Nguyễn Hoàng M đại diện theo ủy quyền trình bày:

Yêu cầu Công ty có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 185/2023-HĐC1 AN ngày 18/9/2023, Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 185/2023/HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 18/9/2023, giấy đề nghị kiêm hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 190/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023; giấy đề nghị kiêm hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 191.1/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023; 02 giấy nhận nợ ngày 20/9/2023 và ngày

22/9/2023 bao gồm nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/3/2025 là **81.592,81** USD (*tám mươi một ngàn năm trăm chín mươi hai phẩy tám mươi một đô la Mỹ*). Trong đó:

+ Nợ gốc: 70.101,02 USD;

+ Nợ lãi: 11.491,79 USD.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 21/3/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn là 9%/năm.

Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì người bảo lãnh là bà Trần Nghiệp L có trách nhiệm trả nợ thay cho bị đơn theo văn bản cam kết ngày 22/4/2024.

Về thời hạn thanh toán: Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực của Tòa án.

- Bị đơn có bà Nguyễn Thị D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn xác nhận nội dung mà nguyên đơn trình bày ở trên là hoàn toàn đúng sự thật, toàn bộ hồ sơ chứng từ nhập khẩu mà bị đơn đảm bảo cho khoản vay là hoàn toàn có thật.

Số tiền bán hàng bị đơn đã được đối tác nước ngoài thanh toán hết toàn bộ, các đơn hàng đã hoàn tất việc thanh toán.

Do hiện nay bị đơn đang rất khó khăn về tài chính nên đề nghị nguyên đơn xem xét giải quyết và hỗ trợ cho bị đơn được trả tiền nợ gốc trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày 20/3/2025. Đồng thời, đề nghị nguyên đơn giảm cho bị đơn số tiền lãi là 6.000 USD (*sáu ngàn đô la Mỹ*).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Trần Nghiệp L có bà Nguyễn Thị D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà L thống nhất với toàn bộ ý kiến bị đơn vừa trình bày ở trên. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ cho nguyên đơn thì cá nhân bà L đồng ý trả nợ thay theo cam kết bảo lãnh ngày 22/4/2024.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã xác định đúng thành phần tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án cũng như sự thừa nhận của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Giữa nguyên đơn và bị đơn đã có ký kết các Hợp đồng cho vay hạn mức số 185/2023-HĐC1 AN ngày 18/9/2023, Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 185/2023/HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 18/9/2023, giấy đề nghị kèm hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 190/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023; giấy đề nghị kèm hợp đồng chiết khấu bộ

chứng từ số 191.1/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023; 02 giấy nhận nợ ngày 20/9/2023 và ngày 22/9/2023. Nội dung chi tiết của từng hợp đồng đúng như nguyên đơn trình bày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, căn cứ và các Điều 90, 91 và 98 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại (*hợp đồng tín dụng*) giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Trong Hợp đồng các bên thỏa thuận thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi ký kết hợp đồng (Tòa án Phú Nhuận). Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 20/3/2025 là **70.101,02 USD** (*bảy mươi ngàn một trăm lẻ một phẩy không hai đô la Mỹ*) phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 185/2023-HĐC1 AN ngày 18/9/2023, Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 185/2023/HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 18/9/2023, giấy đề nghị kiêm hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 190/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023; giấy đề nghị kiêm hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 191.1/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023; 02 giấy nhận nợ ngày 20/9/2023 và ngày 22/9/2023, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng như sau:

Ngày 18/9/2023 giữa Ngân hàng C (chi nhánh G) và Công ty TNHH X có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 185/2023-HĐCVHM/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 18/9/2023 với một số nội dung chính:

+ Hạn mức cho vay: 55.000.000.000 (*năm mươi lăm tỷ*) đồng.

+ Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2023-2024.

+ Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/9/2024.

+ Thời hạn cho vay: tối đa 09 tháng/Giấy nhận nợ; Lãi suất: điều chỉnh, tại thời điểm giải ngân là 6%/năm.

Sau khi ký Hợp đồng hạn mức nói trên, cùng ngày 18/9/2023 hai bên ký Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 185/2023/HĐC2. Hình thức chiết khấu: chiết khấu bộ chứng từ từng lần, giá chiết khấu, các thông tin liên quan đến bộ chứng từ được quy định cụ thể tại Giấy đề nghị chiết khấu kiêm phụ lục hợp đồng. Thời hạn thực hiện chiết khấu kể từ ngày 18/9/2023 đến hết ngày 18/9/2024.

Căn cứ vào Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 185/2023/HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 18/9/2023 thì ngày 19/9/2023, Công ty ký 02 giấy đề nghị kiêm Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 190/2023-HĐCK/NHCT930-

CTY LOAN PHỤNG LONG AN và số 191.1/2023- HĐCK/NHCT930- CTY LOAN PHỤNG LONG AN. Cụ thể:

Đối với Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 190/2023-HĐCK/NHCT930- CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023:

Số tiền đề nghị chiết khấu 107.364,80 USD (*một trăm lẻ bảy ngàn ba trăm sáu mươi bốn phẩy tám mươi đô la Mỹ*). Thời hạn chiết khấu từ ngày 20/9/2023 đến hết ngày 15/02/2024, lãi suất chiết khấu 6%/năm. Biện pháp bảo đảm là Q hưởng lợi từ bộ chứng từ DA và tiền gửi có kỳ hạn số tài khoản 243014934981 và 245014934594 theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 189/2023/HĐBĐ/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 18/9/2023, trị giá 2.600.000.000 (*hai tỷ sáu trăm triệu*) đồng của bà Trần Nghiệp L.

Ngày 20/9/2023, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty số tiền 107.364,80 USD (*một trăm lẻ bảy ngàn ba trăm sáu mươi bốn phẩy tám mươi đô la Mỹ*).

Đối với Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 191.1/2023-HĐCK/NHCT930- CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023:

Số tiền đề nghị chiết khấu 70.530,90 USD (*bảy mươi ngàn năm trăm ba mươi phẩy chín mươi đô la Mỹ*). Thời hạn chiết khấu từ ngày 22/9/2023 đến hết ngày 08/02/2024, lãi suất chiết khấu 6%/năm. Biện pháp bảo đảm là Q hưởng lợi từ bộ chứng từ DA và tiền gửi có kỳ hạn số tài khoản 243014934981 và 245014934594 theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 189/2023/HĐBĐ/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 18/9/2023, trị giá 2.600.000.000 (*hai tỷ sáu trăm triệu*) đồng của bà Trần Nghiệp L.

Ngày 22/9/2023, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty số tiền 70.530,90 USD (*bảy mươi ngàn năm trăm ba mươi phẩy chín mươi đô la Mỹ*).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán nên nguyên đơn đã đồng ý cản trừ số tiền cầm cố theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 189/2023/HĐBĐ/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 18/9/2023 là 2.600.000.000 (*hai tỷ sáu trăm triệu*) đồng để trả nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng vay.

Căn cứ vào lịch sử thanh toán nợ và bảng sao kê do nguyên đơn cung cấp cho thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc **70.101,02 USD** (*Trong đó: Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 190/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023 là 16.419,22 USD; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 191.1/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023 là 53.681,80 USD*).

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là **70.101,02 USD** (*bảy mươi ngàn một trăm lẻ một phẩy không hai đô la Mỹ*). Như vậy, căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ về khoản tiền nợ gốc này đã được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 20/3/2025 là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 20/3/2025 là 11.491,79 USD (*mười một ngàn bốn trăm chín mươi một phẩy bảy mươi chín đô la Mỹ*). Trong đó:

- Đối với Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 190/2023-HĐCK/NHCT930- CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023: nợ lãi là 3.480,1 USD (*ba ngàn bốn trăm tám mươi phẩy một đô la Mỹ*)

- Đối với Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 191.1/2023-HĐCK/NHCT930- CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023: nợ lãi là 8.011,69 (tám ngàn không trăm mười một phẩy sáu mươi chín đô la Mỹ).

Căn cứ vào bảng chi tiết tính lãi do nguyên đơn cung cấp cũng như được các đương sự thừa nhận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 20/3/2025 là 11.491,79 USD (mười một ngàn bốn trăm chín mươi một phẩy bảy mươi chín đô la Mỹ) là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 185/2023-HĐC1 AN ngày 18/9/2023, Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 185/2023/HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 18/9/2023, giấy đề nghị kiêm hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 190/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023; giấy đề nghị kiêm hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ số 191.1/2023-HĐCK/NHCT930-CTY LOAN PHỤNG LONG AN ngày 19/9/2023. Đồng thời, cũng phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 21/3/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn 9%/năm.

[2.3]. Về nghĩa vụ bảo lãnh: Bà Trần Nghiệp L có văn bản đề ngày 22/4/2024 về việc bà L cam kết bảo lãnh trong việc trả khoản nợ vay thay cho bị đơn trong trường hợp bị đơn không trả được nợ. Đây là cam kết hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.4]. Ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị trả khoản nợ gốc trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 20/3/2025 và giảm 6.000 USD (sáu ngàn đô la Mỹ) tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đề nghị này không được nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, việc bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán, không trả nợ cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký kết là đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được pháp luật bảo vệ.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 20/3/2025 là 81.592,81 USD (tám mươi một ngàn năm trăm chín mươi hai phẩy tám mươi một đô la Mỹ), trong đó: nợ gốc là 70.101,02 USD, nợ lãi là 11.491,79 USD (mười một ngàn bốn trăm chín mươi một phẩy bảy mươi chín đô la Mỹ).

[4]. Về án phí:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận 81.592,81 USD (tám mươi một ngàn năm trăm chín mươi hai phẩy tám mươi một đô la Mỹ), quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tương đương 2.067.562.000 đồng (theo tỷ giá ngoại tệ mua vào do Ngân hàng TMCP N công bố ngày 20/3/2025 là 01 USD = 25.340 đồng VNĐ) là 73.351.240 (bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi một ngàn hai trăm bốn mươi) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 90, 91 và 98 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C.

1.1. Buộc bị đơn Công ty TNHH X phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/3/2025 là 81.592,81 USD (*tám mươi một ngàn năm trăm chín mươi hai phẩy tám mươi một đô la Mỹ*), trong đó: nợ gốc là 70.101,02 USD (*bảy mươi ngàn một trăm lẻ một phẩy không hai đô la Mỹ*), nợ lãi là 11.491,79 USD (*mười một ngàn bốn trăm chín mươi một phẩy bảy mươi chín đô la Mỹ*).

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 21/3/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn là 9%/năm cho đến khi thi hành án xong.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Trường hợp Công ty TNHH X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ (bao gồm cả gốc và lãi) cho Ngân hàng TMCP C thì bà Trần Nghiệp L có trách nhiệm trả nợ thay theo cam kết bảo lãnh ngày 20/4/2024 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH X phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 73.351.240 (*bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi một ngàn hai trăm bốn mươi*) đồng.

- Ngân hàng TMCP C được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.613.000 đồng (*ba mươi lăm triệu sáu trăm mười ba ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029970 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, TP HCM.

3. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND TPHCM
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Dung

